

Số: /TTr-UBND

*Bình Định, ngày tháng năm 2021*

**DỰ THẢO**

**TỜ TRÌNH**

**V/v sửa đổi, bãi bỏ quy định về một số loại phí, lệ phí  
trên địa bàn tỉnh Bình Định**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Phí và lệ phí; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có hiệu lực từ ngày 13/01/2020; Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Trên cơ sở rà soát các quy định về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh theo Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính, đề nghị của sở quản lý chuyên ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo, trình Hội đồng nhân dân tỉnh một số nội dung cụ thể như sau:

**I. BÀI BỎ NỘI DUNG THU PHÍ SỬ DỤNG TẠM THỜI LÒNG ĐƯỜNG, HÈ PHỐ VÀO MỤC ĐÍCH KINH DOANH, BUÔN BÁN, ĐÀO, LẤP LÒNG ĐƯỜNG, HÈ PHỐ ĐỂ THI CÔNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

Phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố được quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Các cơ quan thu chỉ được phép thu phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận bằng văn bản về danh mục các vị trí, địa điểm tại các khu vực, tuyến đường được phép sử dụng vào mục đích ngoài giao thông (trong đó bao gồm hoạt động kinh doanh, buôn bán, đào, lấp lòng đường, hè phố để thi công hạ tầng kỹ thuật) theo trình tự quy định tại Quyết định số 20/2012/QĐ-UBND ngày 22/6/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về quản lý, sử dụng tạm thời một phần vỉa hè, lòng đường đô thị ngoài mục đích giao thông trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, để đảm bảo thực hiện đúng theo quy định tại Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, ngày 27/10/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành

Quyết định số 70/2020/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 20/2012/QĐ-UBND ngày 22/6/2012 của UBND tỉnh nêu trên. Theo đó, quy định chi tiết các trường hợp sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố, trong đó **không bao gồm** kinh doanh, buôn bán, đào, lấp lòng đường, hè phố để thi công hạ tầng kỹ thuật (quy định tại Điều 25a, 25b Nghị định số 100/2013/NĐ-CP).

Do đó, để đảm bảo quy định thu phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố phù hợp với quy định sử dụng tạm thời một phần vỉa hè, lòng đường hiện nay, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị như sau:

- Bãi bỏ nội dung quy định thu phí sử dụng lòng đường, hè phố để làm nơi kinh doanh, buôn bán; đào, lấp lòng đường, hè phố để thi công hạ tầng kỹ thuật tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh.

- Thay thế cụm từ “đúng trình tự quy định tại Quyết định số 20/2012/QĐ-UBND ngày 22/6/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh.” thành “đúng quy định.” tại khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh *(nhằm đảm bảo tính pháp lý liên tục về thu phí theo quy định của Nghị quyết khi cấp thẩm quyền thay đổi trình tự thủ tục cấp phép sử dụng lòng đường, hè phố)*.

## **II. BÃI BỎ PHÍ THĂM QUAN TẠI KHU DU LỊCH HỒ NÚI MỘT VÀ BỆNH VIỆN PHONG – DA LIỄU TRUNG ƯƠNG QUY HÒA**

Phí thăm quan Khu du lịch Hồ Núi Một và Bệnh viện Phong – Da liễu Trung ương Quy Hòa được quy định tại số thứ tự 8, 9 điểm b khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND với mức thu lần lượt là 6.000 đồng và 5.000 đồng/lần/người trên cơ sở kế thừa mức thu quy định tại văn bản trước đây (năm 2008).

Tuy nhiên, qua rà soát các khu du lịch trên địa bàn tỉnh thì Khu du lịch Hồ Núi Một và Bệnh viện Phong – Da liễu Trung ương Quy Hòa chưa được cấp có thẩm quyền công nhận là danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa theo Luật di sản văn hóa và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật nên không đủ điều kiện được Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí thăm quan.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị bãi bỏ quy định thu phí thăm quan tại Khu du lịch Hồ Núi Một và Bệnh viện Phong – Da liễu Trung ương Quy Hòa tại số thứ tự 8, 9 điểm b khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh để chuyển đổi sang hình thức thu theo giá dịch vụ.

### **III. SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ PHÍ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

Cơ quan thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay được quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh theo hướng dẫn tại Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính bao gồm: Chi cục quản lý đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh, Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện.

Tuy nhiên, Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính (thay thế Thông tư số 250/2016TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính) hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định chỉ còn Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị sửa đổi cơ quan thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh. Đồng thời, bãi bỏ nội dung quy định tỷ lệ để lại tại khoản 5 Điều 5 Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

### **IV. SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI SINH HOẠT**

Ngày 05/5/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 53/2020/NĐ-CP về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, theo đó Chính phủ quy định:

- Mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 10% trên giá bán của 1 m<sup>3</sup> nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Trường hợp cần áp dụng mức phí cao hơn, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định mức phí cụ thể cao hơn đối với từng đối tượng chịu phí (*khoản 1, Điều 6*);

- Để lại 10% trên tổng số tiền phí bảo vệ môi trường thu được cho tổ chức cung cấp nước sạch và 25% cho Ủy ban nhân dân phường, thị trấn để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí. Trường hợp chi phí tổ chức thu thấp hơn tỷ lệ để lại này, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định mức tỷ lệ để lại cụ thể phù hợp nhưng tối đa không quá 10% đối với tỷ lệ để lại cho tổ chức cung cấp nước sạch và tối đa không quá 25% đối với tỷ lệ để lại cho Ủy ban nhân dân phường, thị trấn (*điểm a, khoản 1, Điều 9*).

Qua đối chiếu Điều 11 Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và Nghị định số 53/2020/NĐ-CP của Chính phủ nêu trên thì hiện nay, quy định thu phí trên địa bàn thành phố Quy Nhơn (không bao gồm xã Nhơn Hải) vẫn còn hiệu lực thi hành và phù hợp với quy định hiện hành (mức thu cao hơn 10% trên giá bán 1 m<sup>3</sup> nước sạch; tỷ lệ để lại 3,5%). Tuy nhiên, riêng quy định thu phí đối với xã Nhơn Hải, khu vực dự án 9 thị trấn theo Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND hiện nay đã không còn phù hợp và hết hiệu lực thi hành (vì Nghị quyết chỉ quy định cho giai đoạn 2015-2020).

Để đảm bảo thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị sửa đổi quy định về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt được quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh với nội dung cụ thể như sau:

- Mức thu phí là 10% trên giá bán của 1 m<sup>3</sup> nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (*bằng mức thu quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP*);

- Để lại 10% trên tổng số tiền phí bảo vệ môi trường thu được cho tổ chức cung cấp nước sạch, 25% cho Ủy ban nhân dân phường, thị trấn để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí (*bằng tỷ lệ để lại quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP*).

## **V. BÃI BỎ QUY ĐỊNH VỀ LỆ PHÍ CẤP GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Lệ phí cấp chứng minh nhân dân được quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Tuy nhiên, căn cứ Luật Căn cước công dân năm 2014 và Thông báo của Bộ Công an, Công an các tỉnh, thành phố trên cả nước dừng tiếp nhận hồ sơ cấp thẻ căn cước công dân mã vạch, chứng minh nhân dân 9 số để chuyển sang cấp thẻ căn cước công dân có gắn chip điện tử kể từ ngày 23/1/2021. Do đó, không còn thực hiện thu lệ phí cấp chứng minh nhân dân theo Điều 13 Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh mà thực hiện thu lệ phí cấp căn cước công dân theo Thông tư số 59/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019 của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu có.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, bãi bỏ quy định về lệ phí cấp chứng minh nhân dân được quy định tại Điều 13 Nghị quyết số

34/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh để thực hiện thu lệ phí cấp căn cước công dân theo quy định của Bộ Tài chính.

## **VI. BỔ SUNG MỨC THU LỆ PHÍ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP CUNG CẤP DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN**

Mức thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng đối với trường hợp cung cấp trực tiếp được quy định tại khoản 4 Điều 17 Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, nhằm khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, tiến tới đẩy mạnh xây dựng Chính phủ điện tử, cải cách thủ tục hành chính, Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị bổ sung quy định mức thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng đối với trường hợp cung cấp trực tuyến theo hướng mức thu lệ phí cung cấp dịch vụ công trực tuyến bằng 90% mức thu lệ phí cung cấp dịch vụ công trực tiếp cụ thể như sau:

*Đơn vị tính: đồng/giấy phép*

<b>STT</b>	<b>Nội dung thu</b>	<b>Mức thu cung cấp dịch vụ công trực tiếp theo Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND</b>	<b>Mức thu cung cấp dịch vụ công trực tuyến đề xuất</b>
1	Cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ của nhân dân (thuộc đối tượng phải có giấy phép)		
a	Nhà ở riêng lẻ trong đô thị	70.000	63.000
b	Nhà ở riêng lẻ ngoài đô thị (nông thôn)	50.000	45.000
2	Cấp phép xây dựng các công trình khác	120.000	108.000
3	Trường hợp gia hạn giấy phép xây dựng	15.000	13.000

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP
- Lưu: VT, K17.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**